TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa anh N với chị Ng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Thị Thu Thủy.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

- Thư kY phiên tòa: Ông Võ Văn Hòa - Thư kY Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lY số: 418/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 522/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Ng đơn*: Anh Trần Minh N, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Số 199 đường Thầy Phán, ấp Giồng Lức, xã ĐL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Trương Thị Thảo Ng, sinh năm 1992, địa chỉ cư trú: Ấp Long Phú, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/7/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Ng đơn Trần Minh N trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng kY kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh vào ngày 28/01/2013. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp, thường xuyên cự cãi nên đã ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay tình trạng vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N yêu cầu giải quyết cho ly hôn với chị Ng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 27/6/2013, đang do gia đình chị Ng nuôi dưỡng. Anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng. LY do anh N yêu cầu nuôi con:

+ Hiện nay anh N có có nơi ở ổn định và có nghề nghiệp ổn định, đang làm nghề cơ điện lạnh dân dụng - công nghiệp tại Cơ điện lạnh Thanh Bình (Thành phố Hồ Chí Minh), thu nhập 15.000.000 đồng/tháng.

+ Cha mẹ anh N đang làm ruộng và chăn nuôi bò tại ấp Giồng Lức, xã ĐL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh. Thu nhập ổn định, có đủ điều kiện hỗ trợ anh N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Như Y và tạo điều kiện cho cháu Như Y được học tập tốt.

+ Chị Trương Thị Thảo Ng đã có chồng khác, hiện đang làm công nhân may mặc ở tỉnh Bình Dương; cháu Như Y đang gửi cho ông ngoại (cha chị Ng) trực tiếp trông nom, điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu Như Y còn hạn chế.

Do đó, để tạo điều kiện phát triển về mọi mặt cho con, anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như Y.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

* Bị đơn chị Trương Thị Thảo Ng trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Ng và anh N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng kY kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh vào ngày 28/01/2013. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị Ng đồng Y ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 27/6/2013, đang do chị Ng nuôi dưỡng. Chị Ng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu Y kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư kY đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ng đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh N được ly hôn với chị Ng; giao con chung tên Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 27/6/2013 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng; chị Ng không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân; Sổ hộ khẩu; Bản sao giấy khai sinh cháu Trần Ngọc Như Y; Giấy chứng nhận kết hôn; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và tình trạng hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, nuôi con chung bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh N và chị Ng đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng kY kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 22, quyển số 1, ngày 28/01/2013. Do đó, hôn nhân giữa anh N và chị Ng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp nên đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, anh N và chị Ng đều có cuộc sống riêng, không còn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, anh chị thuận tình ly hôn, cho thấy quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2.2] Về con chung:

Anh N và chị Ng có một con chung tên Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 27/6/2013. Hiện cháu Như Y đang sinh sống với chị Ng, chị Ng yêu cầu được

tiếp tục nuôi dưỡng cháu Như Y. Anh N cũng yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như Y.

Xét, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị Ng trực tiếp nuôi cháu Như Y, anh N không cùng chị Ng nuôi dưỡng cháu. Xét yêu cầu của chị Ng, nguyện vọng của cháu Như Y để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định về tâm lY, chỗ ở, sinh hoạt và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Như Y cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị Ng không có yêu cầu anh N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Trần Minh N với chị Trương Thị Thảo Ng.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01, ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh không còn giá trị pháp lY.

2. Về con chung: Anh anh Trần Minh N với chị Trương Thị Thảo Ng có một con chung tên Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 27/6/2013.

Giao cháu Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 27/6/2013 cho chị Trương Thị Thảo Ng trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Minh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ng không có yêu cầu anh N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Trần Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Phương đã nộp theo biên lai thu số: 0005203 ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã ĐL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chào **Nguyễn Ngọc Đầy** **Lê Thị Hồng Thi**